

Số: 2988 /SNV-CCVC
V/v hướng dẫn giải quyết chế độ,
chính sách đối với người hoạt động
không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố
dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố

Đồng Nai, ngày 26 tháng 06 năm 2026

Kính gửi:

- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường.

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về
tinh giản biên chế và Văn bản số 745/UBND-KGVX ngày 12/7/2025 của UBND
thành phố về việc hướng dẫn thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số
154/2025/NĐ-CP.

Thực hiện Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của Chủ tịch
UBND thành phố về việc ủy quyền phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên
chế và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không
chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày
15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Nhằm kịp thời giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động
không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố đảm
bảo đúng đối tượng, đúng chính sách theo quy định, Sở Nội vụ hướng dẫn
UBND các xã, phường thực hiện một số nội dung, cụ thể như sau:

I. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được quy
định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

*“5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp
xếp thôn, tổ dân phố nghỉ ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm
quyền.”*

Như vậy, chỉ các trường hợp được xác định là dôi dư do sắp xếp, tổ chức
lại thôn, tổ dân phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì thuộc đối tượng
áp dụng theo quy định nêu trên.

Ví dụ 1:

Địa phương A có 03 thôn là thôn X, thôn Y và thôn Z. Mỗi thôn đều có
01 chức danh trưởng thôn, tổng cộng có 03 trưởng thôn.

Theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, cấp có thẩm quyền quyết
định sáp nhập thôn X, thôn Y và thôn Z thành một thôn mới là thôn V.

Sau khi sáp nhập, thôn V chỉ bố trí 01 chức danh trưởng thôn. Do đó, trong số 02/03 trưởng thôn được xác định là dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố. Đối với 02 trường hợp nêu trên thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không ảnh hưởng trực tiếp do sắp xếp, tổ chức lại nhưng nghỉ việc do kiện toàn nhân sự nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ theo phương án sắp xếp, bố trí nhân sự được cấp có thẩm quyền phê duyệt (***Thực hiện khi có Nghị quyết của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương (nếu có).***)

Ví dụ 2: Xã Thống Nhất trước sắp xếp có 03 thôn (1,2,3), hiện có 03 chức danh Trưởng thôn, gồm:

- Trưởng thôn 1: Nguyễn Văn A (trình độ Đại học);
- Trưởng thôn 2: Nguyễn Văn B (trình độ Đại học);
- Trưởng thôn 3: Nguyễn Văn C (trình độ Trung cấp).

Theo Quyết định của cấp có thẩm quyền, hợp nhất thôn 1 và thôn 2 thành thôn X, **thôn 3 không hợp nhất, đổi tên thành thôn Y.**

Căn cứ trình độ đào tạo và khả năng công tác, cấp ủy, lãnh đạo Quyết định:

Bố trí Trưởng thôn 1 (Nguyễn Văn A, trình độ Đại học) giữ chức vụ Trưởng thôn X (sau hợp nhất); Trưởng thôn 2 (Nguyễn Văn B, trình độ Đại học) giữ chức vụ Trưởng thôn Y (sau sắp xếp).

Đối với ông Nguyễn Văn C, Trưởng thôn 3 (trước sắp xếp) do có trình độ Trung cấp, nhằm kiện toàn nhân sự nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ theo phương án sắp xếp, bố trí nhân sự được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Do đó, ông Nguyễn Văn C thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

3. Về tiêu chuẩn trình độ để lựa chọn người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tiếp tục công tác (sau sắp xếp)

Trước mắt, đề nghị các địa phương căn cứ các quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP¹ và quy định tại khoản 1 phần III Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 20/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về sắp xếp thành lập tổ chức đảng ở thôn tổ dân phố để xem xét, quyết định lựa chọn, bố trí tạm thời đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (sau sắp xếp) để sớm ổn định tổ chức và hoạt động.

Sau khi Trung ương ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về tiêu chí nêu trên (nếu có), Sở Nội vụ sẽ tham mưu UBND thành phố quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ

¹ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

dân phố để làm cơ sở triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn thành phố.

Lưu ý:

(1) Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND² ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố bao gồm:

- a) Bí thư Chi bộ;
- b) Trưởng thôn, tổ dân phố;
- c) Trưởng Ban công tác mặt trận.

(2) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã được giải quyết chính sách nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) mà được tham gia làm cán bộ không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, khi thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố dẫn đến dôi dư thì được áp dụng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

(3) Chưa xem xét giải quyết nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố ***đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân có nguyện vọng nghỉ việc.***

(4) Chưa xem xét giải quyết nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố ***đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.***

Sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nếu không bị kỷ luật hoặc bị kỷ luật nhưng chưa đến mức buộc thôi việc hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì được giải quyết nghỉ việc và hưởng chính sách quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; nếu bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được hưởng chính sách quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

II. Quy trình thực hiện giải quyết chế độ, chính sách

Thực hiện đảm bảo theo quy định tại Phần VI Văn bản số 745/UBND-KGVX ngày 12/7/2025 của UBND thành phố, cụ thể như sau:

Bước 1: UBND các xã, phường tổ chức rà soát, thống kê hiện trạng thôn, tổ dân phố trên địa bàn; xác định số hộ gia đình, quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và các điều kiện có liên quan để làm cơ sở xây dựng phương án sắp xếp.

Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại các thôn, tổ dân phố thuộc diện giữ nguyên, thuộc diện phải sắp xếp theo quy định và các trường hợp đặc thù cần

² Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

xem xét riêng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Bước 2: UBND các xã, phường căn cứ Phương án số 3439/PA-UBND³ ngày 19/6/2026 của UBND thành phố xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn; trong đó xác định rõ sự cần thiết, phương án tổ chức lại, tên gọi sau sắp xếp, *phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách và dự kiến giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định.*

Bước 3: Trên cơ sở đơn đề nghị giải quyết chế độ của các cá nhân và phương án tổ chức lại, UBND xã tổ chức họp để xác định đối tượng thực hiện tinh giản biên chế trước khi báo cáo xin ý kiến Đảng ủy cấp xã.

Bước 4: Trên cơ sở ý kiến thống nhất về chủ trương của Đảng ủy cấp xã, UBND cấp xã chỉ đạo:

a) Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện việc chi trả chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý.

Bước 5: Trên cơ sở kết quả thẩm định của về đối tượng của Phòng Văn hóa - Xã hội và kết quả thẩm định về kinh phí thực hiện của Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường), Chủ tịch UBND cấp xã ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng và kinh phí thực hiện theo thẩm quyền đã được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền tại Quyết định số 955/QĐ-UBND⁴.

Bước 6: Sau khi có Quyết định phê duyệt đối tượng và kinh phí, thực hiện:

a) Đối với chức danh: Trưởng thôn, tổ dân phố

³ Phương án số 3439/PA-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố về phương án tổng thể sắp xếp thôn, ấp, khu phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai

⁴ Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc ủy quyền phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp xã ban hành Quyết định giải quyết chế độ, chính sách đối các chức danh Trưởng thôn, tổ dân phố, thực hiện cân đối kinh phí, chi trả chế độ, chính sách cho các đối tượng theo thẩm quyền.

b) Đối với chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác mặt trận

Ban Xây dựng Đảng tham mưu trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã ban hành Quyết định giải quyết chế độ, chính sách đối các chức danh Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác mặt trận, thực hiện cân đối kinh phí, chi trả chế độ, chính sách cho các đối tượng theo thẩm quyền.

III. Thành phần hồ sơ

1. Đối với hồ sơ lưu tại đơn vị

Thực hiện đảm bảo theo quy định tại Phần VII Văn bản số 745/UBND-KGVX ngày 12/7/2025 của UBND thành phố.

2. Đối với hồ sơ của từng cá nhân, cụ thể như sau:

STT	THÀNH PHẦN HỒ SƠ
1	Đơn đề nghị giải quyết chế độ, chính sách của người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố (trong đó nêu rõ toàn bộ quá trình công tác, đã nhận chế độ thôi việc, chế độ hưu trí hay chưa).
2	Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng tinh giản biên chế: Quyết định tuyển dụng, công nhận chức danh, phê chuẩn kết quả....
3	Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (có ý kiến xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm lập hồ sơ).
4	Các văn bản, tài liệu khác chứng minh đối tượng đủ điều kiện giải quyết chế độ, chính sách (nếu có).

Lưu ý: Trường hợp thuộc đối tượng tinh giản biên chế nhưng hồ sơ bị thất lạc, đề nghị người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp rà soát và chịu trách nhiệm việc tuyển dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật; đồng thời, căn cứ vào các giấy tờ còn lưu trữ tại cơ quan và các thông tin liên quan đến cán bộ không chuyên trách làm cơ sở xác định thời gian để tính hưởng chế độ chính sách, bảo đảm quyền lợi cho cán bộ không chuyên trách theo quy định.

IV. Cách xác định thời gian và phụ cấp để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế

1. Phụ cấp để tính hưởng trợ cấp

Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là phụ cấp của tháng liền kề trước khi nghỉ việc do ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác thì phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tính trợ cấp là phụ cấp hàng tháng của chức danh hiện hưởng và không tính phụ cấp hàng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

2. Thời gian công tác để tính trợ cấp

Thời gian công tác để tính trợ cấp là ***tổng thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (nếu có), ở thôn, tổ dân phố và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở các vị trí việc làm khác.***

Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã (nếu có) và lực lượng vũ trang nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị Hoa, Trưởng thôn A, dôi dư do sáp nhập thôn, có quá trình công tác như sau:

STT	Giai đoạn	Thời gian	Vị trí
1	01/01/2005 – 31/12/2008	4 năm	Nhân viên hợp đồng lao động tại UBND huyện X, có đóng BHXH bắt buộc, chưa hưởng chế độ thôi việc.
2	01/01/2009 – 31/12/2011	3 năm	Phụ trách Văn thư – Lưu trữ xã Y (không chuyên trách cấp xã, chưa hưởng chế độ thôi việc)
3	01/01/2012 – 31/12/2015	4 năm	Công chức Văn phòng – Thống kê xã (đóng BHXH, đã hưởng chế độ thôi việc đối với thời gian công tác làm công chức cấp xã)
4	01/01/2016 – 31/12/2018	3 năm	Nghỉ ở nhà (không công tác)
5	01/01/2019 – 30/6/2026	6 năm 6 tháng	Trưởng thôn A

Như vậy, thời gian công tác để tính trợ cấp đối với bà Nguyễn Thị Hoa được tính như sau:

a) Tổng thời gian được hưởng chế độ là: **13 năm 6 tháng**, gồm:

- STT 1 (01/01/2005 – 31/12/2008): 4 năm
- STT 2 (01/01/2009 – 31/12/2011): 3 năm
- STT 5 (01/01/2019 – 30/06/2026): 6 năm 6 tháng

b) Tổng thời gian **KHÔNG** được hưởng chế độ (7 năm), gồm:

- STT 3 (01/01/2012 – 31/12/2015): 4 năm
- STT 4 (01/01/2016 – 31/12/2018): 3 năm

V. Chính sách áp dụng

Được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với người có dưới 05 năm công tác thì được hưởng các chế độ sau:

Được hưởng trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng nhân với số tháng công tác.

Được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

Được trợ cấp 03 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tìm việc làm.

Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu thì được hưởng các chế độ sau:

Được hưởng trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu.

Được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

Được trợ cấp 03 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tìm việc làm.

Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

3. Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu thì được hưởng các chế độ sau:

Được hưởng trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng nhân với 60 tháng.

Được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

Được trợ cấp 03 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tìm việc làm.

Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động thì được hưởng trợ cấp một lần bằng 15 tháng phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

5. Đối với cán bộ, công chức cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 nên được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng các chế độ như quy định tại Điều 10, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP nhưng tiền lương tháng hiện hưởng để tính trợ cấp là tiền lương tháng liền kề của chức danh cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Lưu ý: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP không được hưởng chính sách quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 154/2025

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ, chuyên Đảng ủy, UBND các xã, phường được biết, phối hợp, triển khai thực hiện.

(Gửi kèm: Văn bản số 6148/BNV-TCBC ngày 17/6/2026 của Bộ Nội vụ, Phụ lục bảng tính kinh phí giải quyết tình giảm biên chế)./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND thành phố (để b/c);
- Ban Tổ chức Thành ủy (để p/h);
- Sở Tài chính (để p/h);
- Giám đốc; các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, P.CCVC (M.Vy).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thanh Hoàng